

Bản án số: 266/2026/HS-ST

Ngày 28 - 4 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Nam.

Thẩm phán: Ông Trương Công Huân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Thi Thị Tuyết Nhung.

2. Bà Đặng Thị Huệ Tú.

3. Ông Trần Văn Triều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Minh Quốc Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Ân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 86/2026/HSST ngày 16 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2500/2026/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2026, đối với bị cáo:

Phạm Thị Mai, sinh năm 1982 tại Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh); nơi thường trú: 11/83 tổ 63, khu phố 5, phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là phường Chánh Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Nhân viên ngân hàng; đảng phái: là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, ngày 06/01/2025 Đảng ủy Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh Tây Bình Phước ban hành Quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng số 01; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Nghĩa và bà Nguyễn Thị Thu Ba; có chồng (đã ly hôn) và 02 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 26/12/2024, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Giềng Sứ Minh, Luật sư của Công ty luật TNHH Thành Gia Sài Gòn thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

- *Bị hại:*

1. Ông Trần Anh Cường, sinh năm 1976; địa chỉ: 273/20/6 Nguyễn Đức Thuận, phường Phú Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

2. Ông Nìm A Sy, sinh năm 1961; địa chỉ: thôn Đắc Queng, xã Quảng Tân, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

3. Bà Ban Thị Nhân, sinh năm 1967; địa chỉ: căn 612 Block 6, KCC Phúc Đạt, tổ 57, khu phố 6, phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thị Mai là nhân viên tín dụng tại Ngân hàng Agribank - Chi nhánh Chơn Thành, địa chỉ: Số 1037 Phú Riềng Đỏ, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (nay là phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai), đến ngày 22/12/2022 Mai được điều động nhận nhiệm vụ nhân viên phòng tổng hợp Agribank Chi nhánh Chơn Thành Tây Bình Phước. Từ năm 2017 đến năm 2022, Mai kinh doanh bất động sản bị thua lỗ, nợ tiền của nhiều người nên Mai đã đưa ra thông tin gian dối rằng Mai từng là Phó Giám đốc Ngân hàng bị mất chức nên cần tiền để lo phục chức, cần tiền để nhận chuyển nhượng đất hoặc vay tiền để đáo hạn ngân hàng. Sau khi nhận được tiền của các bị hại, Mai chiếm đoạt để sử dụng để trả nợ cho nhiều người và tiêu xài hết, cụ thể như sau:

1. Hành vi 03 lần lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Trần Anh Cường (sinh năm 1976, nơi thường trú: Phường Bình Trị Đông, Thành phố Hồ Chí Minh) và 01 lần đối với ông Nìm A Sy (sinh năm 1961, nơi thường trú: Thôn Đắc Queng, xã Quảng Tân, tỉnh Lâm Đồng):

Lần 1: Ngày 28/5/2023, Mai nói với ông Cường là cần tiền để lo phục chức nên hỏi vay 220.000.000 đồng. Ngày 28/5/2023, ông Cường chuyển vào số tài khoản số 20897477 của Mai mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (gọi tắt là Ngân hàng ACB) 10.000.000 đồng và ngày 31/5/2023 ông Cường tiếp tục chuyển vào tài khoản trên của Mai 200.000.000 đồng. Ngày 01/6/2023, ông Cường và Mai lập Hợp đồng vay tiền công chứng tại Văn phòng công chứng Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, thời gian vay 10 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, không thoả thuận lãi suất. Ngày 08/6/2023, ông Cường tiếp tục chuyển vào tài khoản của Mai 10.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 13/6/2023, Mai nói với ông Cường vào ngày 31/5/2023, Mai và ông Phan Văn Vũ lập Hợp đồng đặt cọc có nội dung về việc Mai giao cho ông Vũ 1.500.000.000 đồng để đặt cọc chuyển nhượng thửa đất số 265 (gọi tắt là thửa

đất 265), tờ bản đồ số 15, địa chỉ: Ấp Hiếu Cảm, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (nay là phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai) với giá 2.850.000.000 đồng. Mai đưa ra lý do cần tiền để hoàn tất việc nhận chuyển nhượng thửa đất số 265 nên hỏi vay ông Cường 551.000.000 đồng. Để cho ông Cường tin tưởng, Mai chụp ảnh gửi cho ông Cường Hợp đồng đặt cọc ngày 31/5/2023 và bản photo Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 265 và Mai hứa hẹn sau khi nhận chuyển nhượng thì Mai sẽ sang tay (lướt sóng) để trả lại tiền cho ông Cường.

Ngày 13/6/2023, ông Cường chuyển 300.000.000 đồng vào tài khoản số 20897477 của Mai mở tại Ngân hàng ACB và đưa tiền mặt 251.000.000 đồng, tổng số tiền Mai nhận là 551.000.000 đồng. Cùng ngày, ông Cường và Mai lập Hợp đồng vay tiền tại Văn phòng công chứng Thủ Dầu Một với nội dung ông Cường cho Mai vay số tiền 551.000.000 đồng, thời hạn vay 17 ngày từ ngày 13/6/2023 đến ngày 30/6/2023, không thỏa thuận lãi suất. Đồng thời, Mai viết giấy nhận tiền ngày 13/6/2023 thể hiện nội dung đã nhận 551.000.000 đồng.

Trên thực tế thửa đất 265, Mai không sử dụng tiền vay của ông Cường vào mục đích nhận chuyển nhượng mà sử dụng để trả nợ cho nhiều người và tiêu xài. Riêng nguồn tiền chuyển nhượng thửa đất 265, Mai vay 1.650.000.000 đồng của bà Trần Thị Hoài để đặt cọc cho ông Vũ, khi đến thời hạn chuyển nhượng thì Mai không có tiền nên Mai liên hệ với ông Hồ Trọng Long để nhận lại việc nhận chuyển nhượng thửa đất của ông Vũ thay cho Mai. Đến ngày 08/7/2023 ông Long thanh toán cho ông Vũ 1.600.000.000 đồng.

Lần 3: Ngày 18/6/2023, Mai tiếp tục liên hệ ông Cường hỏi vay 221.000.000 đồng với mục đích nhận chuyển nhượng thửa đất số 265 thì ông Cường đồng ý. Cùng ngày, ông Cường chuyển 200.000.000 đồng vào tài khoản số 20897477 của Mai mở tại Ngân hàng ACB. Đến ngày 24/6/2023, ông Cường và Mai lập Hợp đồng vay tiền tại Văn phòng công chứng Thủ Dầu Một, nội dung ông Cường cho Mai vay 221.000.000 đồng, thời hạn vay 06 ngày từ ngày 24/6/2023 đến ngày 30/6/2023, không thỏa thuận lãi suất. Đồng thời, Mai viết giấy nhận tiền ngày 24/6/2023 thể hiện đã nhận 221.000.000 đồng.

Tổng số tiền ông Cường chuyển cho Mai là 992.000.000 đồng. Sau đó, Mai không trả lại tiền cho ông Cường nên ngày 20/01/2024, ông Cường tố cáo Mai chiếm đoạt tài sản đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương.

Lần 4: Ông Nìm A Sy và Phạm Thị Mai có mối quan hệ quen biết từ khoảng giữa năm 2022. Tháng 6/2022, Mai liên hệ ông Sy hỏi vay số tiền 700.000.000 đồng trong thời hạn 02 ngày với mục đích đáo hạn ngân hàng, tài sản đáo hạn là thửa đất số 859, tờ bản đồ số 07, diện tích 181,2 m², địa chỉ: Phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; cập nhật chuyển nhượng cho Phạm Thị Mai, sinh năm 1982, số CCCD: 0741 8200 2107 vào ngày 27/4/2021 (cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành CK 179764, số vào sổ CS 09431 ngày 29/8/2017).

Do tin tưởng thông tin Mai đưa ra là thật nên ông Sy đồng ý cho Mai vay tiền. Ngày 08/06/2022, ông Nhim A Sy và Phạm Thị Mai lập 01 Giấy vay tiền đáo hạn Ngân hàng có nội dung về việc ông Sy giao cho Mai 700.000.000 đồng với mục đích “đáo hạn ngân hàng”, thời hạn vay tiền 02 ngày, ngay sau khi lập giấy vay tiền, ông Sy giao 700.000.000 đồng cho Mai và Mai giao cho ông Sy 01 căn cước công dân và 01 bản photo Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 859.

Sau đó, Mai không trả tiền cho ông Sy mà liên hệ ông Nhim A Sy xin nhận lại Căn cước công dân với lý do phải có Căn cước mới làm được hồ sơ đáo hạn thì ông Sy đồng ý. Mai viết 01 Giấy viết tay có nội dung: “Phạm Thị Mai nhận lại căn cước công dân để xử lý công việc giải ngân của Ngân hàng”.

Sau nhiều lần yêu cầu Mai trả lại tiền nhưng không được, đến ngày 25/10/2025, ông Sy gửi đơn tố giác đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản kết luận giám định số 2003/KL-KTHS (TL-ĐV) ngày 07/5/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận:

Chữ ký, chữ viết họ tên và 02 dấu vân tay tên “Phạm Thị Mai” trên các tài liệu cần giám định (03 Hợp đồng vay tiền các ngày 01, 13 và 24/6/2023 ký hiệu A1 đến A3, 02 Giấy nhận tiền vay các ngày 13, 24/6/2023 ký hiệu từ A4 đến A5) so với chữ ký, chữ viết họ tên và dấu vân tay ngón trỏ trái, trỏ phải của Phạm Thị Mai trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M4) do cùng một người ký, viết và in ra.

Quá trình điều tra, Phạm Thị Mai khai nhận do thiếu nợ của nhiều người và không có khả năng trả nợ nên Mai đã chiếm đoạt tiền của ông Cường và ông Sy để sử dụng vào mục đích trả nợ và tiêu xài hết.

2. Hành vi chiếm giữ trái phép tài sản của bà Ban Thị Nhân (sinh năm 1967, nơi thường trú: Khu phố 5, phường Phú Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh):

Bà Ban Thị Nhân có mối quan hệ quen biết với Phạm Thị Mai do trước đây Mai có thỏa thuận đặt cọc mua 01 thửa đất tại phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh) của bà Nhân nhưng không thực hiện được theo thỏa thuận nên bà Nhân hoàn trả lại tiền đã nhận cọc cho Mai. Do đó, trên ứng dụng Smartbanking Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (gọi tắt Ngân hàng BIDV) của bà Nhân có lưu giữ thông tin tài khoản số 20897477 mở tại Ngân hàng ACB tên Phạm Thị Mai.

Vào lúc 13 giờ 20 phút ngày 12/12/2024, bà Nhân thực hiện chuyển tiền để thanh toán tiền mua khoai mì lát cho đối tác ở huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh thì đã chuyển khoản nhầm số tiền 499.999.999 đồng từ tài khoản số 6500501608 thuộc Ngân hàng BIDV của bà Nhân đến tài khoản số 20897477 mở tại Ngân hàng ACB tên Phạm Thị Mai. Sau khi chuyển tiền thì bà Nhân đi Tây Ninh để xem khoai mì lát và trên đường đi bà Nhân được bà Vinh điện thoại thông báo

chuyển thiếu tiền nên bà Nhân kiểm tra thì phát hiện bị sai một giao dịch chuyển nhầm tiền nêu trên cho Mai. Bà Nhân đã vào Ngân hàng BIDV Chi nhánh tỉnh Tây Ninh để tra soát giao dịch và yêu cầu thu hồi tiền đã chuyển trên ứng dụng Smartbanking BIDV và vào Ngân hàng ACB Chi nhánh Tân Biên làm thủ tục đề nghị hỗ trợ thu hồi tiền đã chuyển. Thời điểm này, bà Nhân đã thực hiện việc chuyển khoản thêm sáu lần với số tiền từ 10.000 đồng đến 100.000 đồng đến tài khoản số 20897477 Ngân hàng ACB tên Phạm Thị Mai kèm theo nội dung “BAN THI NHAN Ct lon pham thi mai 0933612081 gọi lai so dt nay” “BAN THI NHAN Ct lon 0933612081 gọi lai so nay” nhằm để yêu cầu Mai chuyển trả lại số tiền mà bà Nhân đã chuyển nhầm nhưng Mai không trả lời. Đến ngày 17/12/2024, bà Nhân gọi điện thoại cho Mai nhiều lần qua số điện thoại 0878538789 và trên ứng dụng mạng xã hội Zalo nhưng đều bị từ chối nên không liên hệ được. Đến ngày 23/12/2024, bà Nhân tiếp tục nhắn tin cho Mai trên ứng dụng mạng xã hội Zalo để xin gặp mặt và nhận lại tiền nhưng sau khi nhận tin nhắn thì tài khoản của Mai đã chặn tin nhắn. Ngày 24/12/2024, bà Nhân đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một để tố cáo hành vi chiếm giữ trái phép tài sản của Phạm Thị Mai.

Ngày 26/12/2024, Phạm Thị Mai đầu thú tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) và khai nhận hành vi chiếm đoạt tiền của bà Nhân và sử dụng tiêu xài hết.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi 13 của Phạm Thị Mai.

Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại Trần Anh Cường đã nhận 350.000.000 đồng và tiếp tục yêu cầu Mai trả lại 545.000.000 đồng, bị hại Nìm A Sy yêu cầu Mai trả 700.000.000 đồng.

- Anh Lê Hoàng Duy đại diện cho Phạm Thị Mai đã bồi thường cho bị hại Ban Thị Nhân 100.000.000 đồng, bà Nhân tiếp tục yêu cầu Mai trả lại 399.999.999 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 506/CT-VKS-P2 ngày 10/01/2026, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị can Phạm Thị Mai có lý lịch và hành vi phạm tội như nêu trên về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Chiếm giữ trái phép tài sản”, theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và khoản 2 Điều 176 Bộ luật Hình sự.

Phản tranh tụng tại phiên tòa:

- Bị cáo thừa nhận bản Cáo trạng truy tố là đúng với hành vi phạm tội, không có oan sai nhưng về số tiền chiếm đoạt của bị hại Cường bị cáo chỉ thừa nhận số tiền 551.000.000 đồng.

- Bị hại Trần Anh Cường trình bày: bị cáo chiếm đoạt của ông tổng số tiền là 992.000.000 đồng, đã trả lại số tiền 447.000.000 đồng, số tiền yêu cầu bị cáo bồi thường tiếp tục là 545.000.000 đồng.

- Bị hại Nìm A Sy trình bày: bị cáo chiếm đoạt của ông số tiền 700.000.000 đồng, đã trả lại số tiền 62.000.000 đồng, số tiền yêu cầu bị cáo bồi thường tiếp tục là 638.000.000 đồng.

- Bị hại Ban Thị Nhân trình bày: bị cáo chiếm đoạt của bà số tiền 499.999.999 đồng, đã trả lại số tiền 100.000.000 đồng, số tiền yêu cầu bị cáo bồi thường tiếp tục là 399.999.999 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174 và khoản 2 Điều 176, điểm b điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Mai từ 13 năm đến 14 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Chiếm giữ trái phép tài sản”. Tổng hợp hình phạt tù chung là từ 15 năm 06 tháng đến 17 năm tù.

Buộc bị cáo trả lại số tiền theo yêu cầu của bị hại: Trần Anh Cường số tiền là 545.000.000 đồng, Nìm A Sy số tiền là 638.000.000 đồng, Ban Thị Nhân số tiền là 399.999.999 đồng.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Mai trình bày: thống nhất với tội danh và điều luật theo bản cáo trạng truy tố và phần luận tội nhưng đề nghị xem xét cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ là có thái độ khai báo thành khẩn để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo đồng ý với phần trình bày bào chữa của luật sư, không bổ sung.

- Về hình phạt bị hại Cường thì đề nghị xử nghiêm với bị cáo, bị hại Sy và bị hại Nhân đề nghị xử theo quy định của pháp luật.

- Kiểm sát viên đối đáp: do phần xét hỏi về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản bị cáo quanh co không thừa nhận tổng số tiền chiếm đoạt của bị hại Cường là 992.000.000 đồng mà chỉ thừa nhận số tiền 551.000.000 đồng. Nhưng qua kết quả giám định biên nhận tiền do chính bị cáo viết ra khi nhận tiền của bị hại Cường thì đủ căn cứ quy kết bị cáo chiếm đoạt số tiền 992.000.000 đồng của bị hại Cường nên phần này không xem bị cáo thành khẩn khai báo.

- Lời nói sau cùng của bị cáo nhận thức hành vi phạm tội là sai trái, ăn năn hối cải xin được khoan hồng, được tại ngoại để lo trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Xét lời khai nhận của bị cáo Phạm Thị Mai tại phiên tòa cơ bản phù hợp với đơn tố cáo của bị hại, vật chứng đã được thu giữ trong hồ sơ vụ án, tài liệu sao kê tài khoản ngân hàng, kết luận giám định, lời khai cũng như bản tự khai của bị cáo, bị hại tại Cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xác định:

Từ ngày 28/5/2023 đến 18/6/2023, tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh). Bị cáo Phạm Thị Mai đang trong tình trạng kinh doanh thua lỗ, nợ tiền của nhiều người, để có tiền trả nợ và tiêu xài, Mai đưa ra thông tin gian dối là Phó Giám đốc Ngân hàng Agribank, cần tiền để phục chức, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đảo hạn ngân hàng. Mai đã 03 lần chiếm đoạt tổng số tiền 992.000.000 đồng của ông Trần Anh Cường và 01 lần chiếm đoạt 700.000.000 đồng của ông Nìm A Sy.

Ngoài ra, ngày 12/12/2024, tại phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh), sau khi bà Ban Thị Nhân chuyển nhậm 499.999.999 đồng vào tài khoản ngân hàng số 20897477 mở tại Ngân hàng ACB tên Phạm Thị Mai và bà Nhân nhiều lần yêu cầu Mai trả lại nhưng Mai đã chiếm đoạt tiêu xài hết. Trước đó, bà Ban Thị Nhân có mối quan hệ quen biết với Phạm Thị Mai do trước đây Mai có thỏa thuận đặt cọc mua 01 thửa đất tại phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh) của bà Nhân nhưng không thực hiện được theo thỏa thuận nên bà Nhân hoàn trả lại tiền đã nhận cọc cho Mai. Do đó, trên ứng dụng Smartbanking Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (gọi tắt Ngân hàng BIDV) của bà Nhân có lưu giữ thông tin tài khoản số 20897477 mở tại Ngân hàng ACB tên Phạm Thị Mai nên có việc chuyển nhậm tiền cho bị cáo như đã nêu.

Xét tại phiên tòa bị cáo chỉ thừa nhận chiếm đoạt số tiền 551.000.000 đồng của bị hại Cường. Tuy nhiên, căn cứ vào tài liệu chứng cứ, kết quả giám định các giấy biên nhận tiền do chính bị cáo viết ra thì việc trình bày của bị cáo là không có căn cứ để xem xét, nhưng đây là quyền bị cáo.

Xét hành vi của bị cáo Phạm Thị Mai là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình nhưng do vụ lợi cá nhân nên bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của bị hại, chiếm giữ tài sản trái phép của bị hại, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

Do đó, Hội đồng xét xử đã đủ căn cứ kết luận bị cáo Phạm Thị Mai đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, và tội “Chiếm giữ trái phép tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định Điều 174 và Điều 176 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) (viết tắt là Bộ luật Hình sự).

Xét tài sản mà bị cáo lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhiều lần có trị giá 1.692.000.000 đồng ở là dấu hiệu định khung hình phạt được quy định tại điểm a

khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự (có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân). Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên.

Xét tài sản mà bị cáo chiếm giữ trái phép tài sản có trị giá 499.999.999 đồng là dấu hiệu định khung hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 176 Bộ luật Hình sự (có khung hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm).

Xét nhân thân của bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

Xét bị cáo khai báo tương đối thành khẩn; đã khắc phục một phần thiệt hại cho các bị hại; đầu thú đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét bị cáo phạm nhiều tội trong 01 lần xét xử nên phải chịu hình phạt của từng tội và tổng hợp hình phạt chung theo quy định tại Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự về hình phạt đặt ra đối với bị cáo là hình phạt tù có thời hạn mới đủ sức giáo dục họ ý thức tuân thủ pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa họ phạm tội mới; giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

[2] Xét bản Cáo trạng của Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố đối với bị cáo Phạm Thị Mai về khung, điều luật và tội danh như đã viện dẫn trên là có cơ sở, đúng người, đúng tội, không có oan sai nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của họ đã thực hiện đều hợp pháp.

[4] Xét về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí:

[4.1] Về biện pháp tư pháp:

- Bị hại Trần Anh Cường bị bị cáo chiếm đoạt tổng số tiền là 992.000.000 đồng, đã trả lại số tiền 447.000.000 đồng, số tiền còn phải trả lại tiếp tục là 545.000.000 đồng.

- Bị hại Nìm A Sy bị bị cáo chiếm đoạt số tiền 700.000.000 đồng, đã trả lại số tiền 62.000.000 đồng, số tiền còn phải trả lại tiếp tục là 638.000.000 đồng.

- Bị hại Ban Thị Nhân bị bị cáo chiếm đoạt số tiền 499.999.999 đồng, đã trả lại số tiền 100.000.000 đồng, số tiền còn phải trả lại tiếp tục là 399.999.999 đồng.

Do đó, buộc bị cáo phải trả số tiền còn lại cho các bị hại.

Theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự.

[4.2] Về xử lý vật chứng: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi 13 màu đen, không mở được nguồn, không kiểm tra được số imei; không kiểm tra tình trạng hoạt động, là tài sản của bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Theo quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[4.3] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Với lập luận tại đoạn [1], [2], [3] và [4] là căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận hay không chấp nhận phần luận tội của Kiểm sát viên, luận cứ bào chữa của luật sư cho bị cáo, trình bày của bị cáo, bị hại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình phạt.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, khoản 2 Điều 176, điểm b điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Mai 14 (mười bốn) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 02 (hai) năm tù về tội “Chiếm giữ trái phép tài sản”. Tổng hợp hình phạt tù chung là 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/12/2024.

2. Về biện pháp tư pháp.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Ghi nhận các bị hại: Trần Anh Cường đã nhận số tiền 447.000.000 đồng, Nìm A Sy đã nhận số tiền 62.000.000 đồng và Ban Thị Nhân đã nhận số tiền 100.000.000 đồng.

Buộc bị cáo phải trả lại cho:

- Bị hại Trần Anh Cường số tiền 545.000.000 đồng,
- Bị hại Nìm A Sy số tiền 638.000.000 đồng.
- Bị hại Ban Thị Nhân số tiền 399.999.999 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả

cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng.

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi 13 màu đen, không mở được nguồn, không kiểm tra được số imei; không kiểm tra tình trạng hoạt động.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 15/01/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Về án phí, quyền kháng cáo.

Căn cứ khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: bị cáo phải chịu 59.490.000 đồng.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- Tòa phúc thẩm TANDTC tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- THA-DS TP.HCM; (1)
- THA HS; (2)
- THA HS; (1)
- Phòng PV06 - CA TP. HCM; (1)
- Trại giam; (1)
- Bị cáo; (3)
- Bị hại; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (4)
- Lưu: VT, hồ sơ; (20)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đức Nam

